

## BẢNG KIỂM KỸ NĂNG HỎI BỆNH SỬ ĐAU NGỰC

**HỌ VÀ TÊN SV:**

**TỔ:**

**Ngày thi:**

STT	NỘI DUNG		Điểm chuẩn	Điểm SV
KỸ NĂNG GIAO TIẾP				
1.	Chào hỏi bệnh nhân, tự giới thiệu bản thân		0.25	
2.	Sử dụng câu hỏi mở – đóng hợp lý		0.25	
3.	Dùng từ đơn giản, dễ hiểu (không dùng từ chuyên môn, nếu dùng phải giải thích rõ ràng)		0.25	
4.	Ngôn ngữ nhẹ nhàng, tế nhị trong giao tiếp, mỗi lần chỉ hỏi một câu		0.25	
5.	Khuyến khích và khen ngợi việc đúng của bệnh nhân		0.25	
6.	Lắng nghe và đồng cảm		0.25	
HỎI BỆNH SỬ				
7.	Hỏi đầy đủ các tính chất của đau ngực	Hoàn cảnh khởi phát	0.5	
		Vị trí - hướng lan	0.5	
		Kiểu đau	0.5	
		Cường độ đau	0.5	
		Thời gian đau – nhịp điệu đau	0.5	
		Yếu tố tăng giảm đau	0.5	
		Triệu chứng kèm theo		
	- vã mồ hôi	0.25		
	- khó thở	0.25		
	- ngất, muốn ngất, choáng váng	0.5		
	- hồi hộp	0.25		
	- sốt	0.25		
	- ho, ho ra máu	0.25		

8.	Yếu tố nguy cơ	<b>Yếu tố nguy cơ bệnh mạch vành</b> <div><div>- Tăng huyết áp</div><div>- Hút thuốc lá</div><div>- Lối sống tĩnh tại</div><div>- Đái tháo đường</div><div>- Rối loạn lipid máu</div><div>- Gia đình có bệnh tim mạch sớm</div></div>	<div>0.25</div> <div>0.25</div> <div>0.25</div> <div>0.5</div> <div>0.25</div> <div>0.25</div>	
		<b>Yếu tố nguy cơ thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch</b> <div><div>- Nằm lâu, bất động</div><div>- Các bệnh lý ung thư đã biết</div></div>	<div>0.25</div> <div>0.25</div>	
9.	<div><div>- Hỏi về các bệnh lý Tim mạch đã biết: bệnh mạch vành đã đặt stent hay đã mổ bắc cầu</div><div>- Hỏi về các thuốc đang điều trị</div></div>		<div>0.5</div> <div>0.5</div>	
TÍNH CHUYÊN NGHIỆP				
10.	Thái độ tôn trọng người bệnh, ân cần thân thiện ( <i>Tôn trọng người bệnh, ngữ điệu nhẹ nhàng, giải thích rõ ràng dễ hiểu</i> )		0.25	
11.	Tác phong chuyên nghiệp ( <i>Quần áo sạch sẽ, tóc gọn gàng, móng tay cắt ngắn, không sơn móng tay...</i> )		0.25	
	Tổng cộng		10	
GHI CHÚ:				

**GIẢNG VIÊN CHẤM THI**

**(Ký và ghi rõ họ và tên)**